

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/ HS-ST
Ngày: 16 / 9 / 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Hằng;
2. Ông Lý Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2020/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị T (Thủy), sinh năm 1966, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 13, khóm A1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Huỳnh Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); Anh chị em có 04 người, bị cáo là người thứ ba; chồng: Đặng Thanh N, sinh năm 1967, con 03 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1976; nơi cư trú: phường k, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Cao Văn D, sinh năm 1992; vắng mặt.
2. Ông Tô Ngọc V, sinh năm 1977; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 06/6/2020, T cùng Tiến, Thảo (không rõ lai lịch) rủ nhau đến khu vực miếu bà S S (thuộc tổ 27, khóm T1, phường S, thành phố Châu Đốc), tìm lấy trộm tài sản của khách hành hương, chia nhau xài. Khi vào khu vực chánh điện, nhìn thấy Lê Thị Thu H đang thắp hương cúng Bà, đặt ví da đen, có 02 điện thoại di động, hiệu IPHONE 7 PLUS và OPPO A5 cùng số tiền 3.533.000 đồng trên bàn cúng vật phẩm; Thảo đứng cầm mâm, bó hoa che chắn, cho Tiến lấy trộm ví da, đưa cho T đi ra phía sau Chánh điện; phát hiện mất trộm, H tri hô, cùng mọi người bắt giữ quả tang, giao Cơ quan Công an điều tra xử lý; Tiến, Thảo bỏ trốn.

Vật chứng thu giữ do Huỳnh Thị T giao nộp: 01 ví da màu đen, có 02 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS và OPPO A5 cùng số tiền 3.533.000 đồng (đã trao trả cho bị hại Lê Thị Thu H); 01 áo ngắn tay, màu xanh, 02 tay và ngực áo có thêu vải ren; 01 quần thun dài đen (đã bàn giao cơ quan Thi hành án dân sự); 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của Huỳnh Thị T cùng đồng phạm, lưu hồ sơ vụ án.

Căn cứ kết luận định giá tài sản trong tố tụng Hình sự 137/KL-ĐG, ngày 08/6/2020 của Hội đồng giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố Châu Đốc, ghi nhận: 01 ví da đen, trị giá 40.000 đồng; điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS trị giá 3.500.000 đồng; điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A5 trị giá 2.500.000 đồng. Tổng cộng trị giá 6.040.000 đồng.

Ngày 08/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Huỳnh Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

+ Bị cáo Huỳnh Thị T cùng Tiến, Thảo có hành vi trộm cắp tài sản của Lê Thị Thu H, tổng trị giá chiếm đoạt 9.573.000 đồng. Sau khi gây án, Tiến, Thảo bỏ trốn, T bị bắt giữ. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình

sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Do đó giữ nguyên Cáo trạng của Viện kiểm sát.

+ Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có con nhỏ đang bị bệnh bại não đang điều trị ngoại trú tại Khoa tâm thần, Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh; ngay khi bị phát hiện, bắt giữ cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp tài sản trộm.

Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có khung hình phạt đến 03 năm tù. Vì vậy, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo Huỳnh Thị T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*, *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhận thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51; Vì vậy, bị cáo đủ điều kiện được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, có nhiều người cùng tham gia thực hiện tội phạm với hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công chặt chẽ giữa những người cùng tham gia thực hiện tội phạm. Bị cáo Huỳnh Thị T có vai trò là người thực hành giúp sức trong vụ án.

Về vật chứng: 01 ví da đen, có 02 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS và OPPO A5, số tiền 3.533.000 đồng (đã trao trả cho bị hại Lê Thị Thu H) nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 áo ngắn tay, màu xanh, 02 tay và ngực áo có thêu vải ren; 01 quần thun dài đen là trang của các bị cáo Huỳnh Thị T khi thực hiện hành vi phạm tội, do không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của Huỳnh Thị T cùng đồng phạm do đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Về dân sự: Bị hại Lê Thị Thu H đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đối với những người tên Tiến, Thảo (không rõ lai lịch), đồng phạm trong vụ án, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T 03 tháng 10 ngày tù về tội *“Trộm cắp tài sản”*.

* Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy 01 áo ngắn tay, màu xanh, 02 tay và ngực áo có thêu vải ren; 01 quần thun dài đen.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của Huỳnh Thị T cùng đồng phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận: Khoảng 05 giờ ngày 06/6/2020 Tiến và Thảo rủ bị cáo đến Miếu Bà S S tìm tài sản để trộm, khi đến khu vực Chánh điện, phát hiện chị H đang cúng bái, Thảo đứng che chắn tạo điều kiện cho Tiến lấy trộm ví da cùng tiền của chị H rồi chuyển lại cho bị cáo, bị cáo mang thoát khỏi nơi gây án. Chị H phát hiện liền xông đến giật lấy cái ví trong tay của T và tri hô, T bỏ chạy được khoảng 10m thì bị ông Tô Ngọc V (là nhân viên bảo vệ) bắt giữ giải giao đến Công an phường S cùng tang vật.

[4] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại Lê Thị Thu H và những người làm chứng Cao Minh D, Tô Ngọc V, Nguyễn Hằng Phương (Bảo vệ miếu Bà) trong giai đoạn điều tra. Mặt khác, phù hợp biên bản phạm tội quả tang do Công an phường S lập, với Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng.

[5] Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định bị cáo T có hành vi cùng với Tiến, Thảo lén lút chiếm đoạt cái ví cầm tay và tiền của chị H, trị giá tài sản tổng cộng 9.573.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình

sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Huỳnh Thị T về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[6] Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo cùng Tiến, Thảo tham gia thực hiện tội phạm, tuy nhiên với vai trò đồng phạm (giảm đơn), không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, trong đó vai trò của bị cáo T chỉ là người thực hành giúp sức.

[7] Tài sản của công dân do công sức lao động và tích lũy trong quá trình sản xuất lao động của họ mới có được, nên luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, dưới bất kỳ hình thức nào đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh.

[8] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần có một mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án là người thực hành giúp sức, chưa hưởng lợi số tiền chiếm đoạt, nhân thân (không tiền án, tiền sự), hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, có con nhỏ đang bị bệnh bại não, chồng hành nghề xe Honda ôm thu nhập không ổn định, nếu bắt bị cáo phải tiếp tục chấp hành hành phạt tù sẽ gây khó khăn hơn cho gia đình bị cáo. Đồng thời, khoảng thời gian từ khi áp dụng biện pháp tạm giam đến nay được 03 tháng 10 ngày, cũng đủ có tác dụng răn đe, giáo dục để bị cáo tự nhận thức được sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có con nhỏ đang bị bệnh bại não đang điều trị ngoại trú tại Khoa tâm thần, Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh; ngay khi bị phát hiện, bắt giữ cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp tài sản trộm, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có khung hình phạt đến 03 năm tù. Do đó, bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*, *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51; Vì vậy, bị cáo đủ điều kiện được áp dụng mức hình phạt dưới mức

thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 (một) cái áo ngắn tay màu xanh, 02 tay áo và ngực áo có đính vải ren; 01 (một) cái quần thun dài màu đen. Xét không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của Huỳnh Thị T cùng đồng phạm.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về vấn đề khác: Đối với những người tên Tiến, Thảo (không rõ lai lịch), đồng phạm trong vụ án, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị T (Thủy) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Huỳnh Thị T (Thủy): 03 (ba) tháng 10 (mười) ngày tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 06/6/2020 (sáu tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) cái áo ngắn tay màu xanh, 02 tay áo và ngực áo có đính vải ren.

+ 01 (một) cái quần thun dài màu đen.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

- Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Huỳnh Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo T có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị Lê Thị Thu H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc